

Bản án số: 07/2020/HSST

Ngày: 21/02/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Trình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Công Chiến

2. Bà Lý Thị Kim Ngân

-Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Yến Nhi là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Phan Thanh Vàng - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 02 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 122/2019/TLST-HS ngày 27 tháng 12 năm 2019, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2020/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 02 năm 2020, đối với các bị cáo:

- Huỳnh Công Minh Nh, sinh năm 1990 tại tỉnh Bến Tre, nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: khu phố A, phường B, thành phố BT, tỉnh Bến Tre; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 09/12; Con ông Huỳnh Công H, sinh năm 1968 và bà Tô Thị Ngọc D, sinh năm 1969; Vợ, con: chưa có; Tiền sự: Không; Tiền án: Bản án số 93/2014/HSST ngày 04/11/2014 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xử phạt 02 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, Bản án số 85/2017/HSST ngày 28/11/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xử phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 18/9/2019 cho đến nay. Có mặt.

- Trần Thái Bảo Th, sinh năm 1994 tại tỉnh Bến Tre, nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: khu phố C, phường B, thành phố BT, tỉnh Bến Tre; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 08/12; Con ông Trần Vũ H, sinh năm 1969 và bà Nguyễn Thị Thúy L, sinh năm 1972; Vợ, con: Chưa có; Tiền sự: Quyết định số 01/QĐ-XPVPHC ngày 26/12/2014 của Công an phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre đã xử phạt 750.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; Quyết định số 35/QĐ-XPHC ngày 14/7/2016 của Công an phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre đã xử phạt 750.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; Quyết định số 146/QĐ-UBND ngày 25/10/2016 của Ủy ban nhân dân phường 3, thành phố Bến Tre áp dụng biện pháp

giáo dục tại xã phường thời hạn 03 tháng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; Quyết định số 50/QĐ-TA ngày 22/8/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre ra quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 15 tháng về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”; Quyết định số 12/QĐ-XPVPHC ngày 24/4/2019 của Công an phường 6, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre đã xử phạt 750.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; Quyết định số 02/QĐ-UBND ngày 10/7/2019 của Ủy ban nhân dân phường 3, thành phố Bến Tre ra quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại phường thời hạn 03 tháng về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”; Tiền án: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 18/9/2019 cho đến nay. Có mặt.

** Bị hại:*

- Trần Thị D, sinh năm 1984

Nơi cư trú: Số 325B, khu phố A, phường D, thành phố BT, tỉnh Bến Tre. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 13 giờ ngày 17/9/2019, Trần Thái Bảo Th điều khiển xe mô tô biển số 70DB-012.61 (xe Th mượn của Trần Vũ H – cha ruột Th) đến nhà trọ số 306C2, khu phố 6, phường PK, thành phố BT, tỉnh Bến Tre rủ Huỳnh Công Minh Nh đi tìm tài sản để lấy trộm thì Nh đồng ý. Để thực hiện ý định, Nh đem theo cây đoản phá ổ khóa rồi lên xe mô tô biển số 70DB-012.61 cho Th chở đi. Khi đi ngang qua nhà của chị Trần Thị D ở số 325B, khu phố A, phường D, thành phố BT, cả hai phát hiện nhà chị D khóa cửa ngoài nên Th dừng xe phía ngoài hàng rào, Nh ở ngoài canh giới và đưa cho Th cây đoản để Th leo rào vào trong phá ổ khóa cửa sau, đột nhập vào nhà chị D lấy 01 bình gas hiệu SaiGon Petro màu xám, cân nặng 19,5kg chuyển ra ngoài cho Nh rồi cùng nhau đem bình gas và ổ khóa của chị D về phòng trọ của Nh cất giấu. Sau đó, Nh và Th tiếp tục quay trở lại leo rào đột nhập vào nhà chị D lấy 01 máy tính bảng hiệu Samsung Galaxy Tab A, 01 heo đất bên trong có số tiền 9.000.000 đồng và 01 ba lô màu nâu hiệu Lata rồi đem về phòng trọ của Nh. Tại đây, cả hai chia đều mỗi người 4.500.000 đồng tiêu xài. Riêng bình gas và máy tính bảng, cả hai chưa kịp bán thì bị lực lượng Công an phát hiện thu giữ.

Vật chứng thu giữ:

- 01 bình gas hiệu SaiGon Petro màu xám, cân nặng 19,5kg.
- 01 máy tính bảng hiệu Samsung Galaxy Tab A, số IMEI: 355405/09/068784/1.
- Tiền Việt Nam: 3.027.000 đồng.
- 01 nón kết màu xanh.
- 01 nón bảo hiểm màu đỏ.

Theo bản kết luận định giá tài sản số 847/KL-HĐĐG ngày 21/9/2019 của Hội đồng định giá thành phố Bến Tre kết luận:

- 01 bình gas hiệu SaiGon Petro màu xám, cân nặng 19,5kg, trị giá tài sản ngày 17/9/2019 là: 260.000 đồng.

- 01 máy tính bảng hiệu Samsung Galaxy Tab A, trị giá tài sản ngày 17/9/2019 là: 3.745.000 đồng.

- 01 ba lô nữ màu nâu hiệu Lata, trị giá tài sản ngày 17/9/2019 là: 54.000 đồng.

- 01 con heo đất màu vàng, trị giá tài sản ngày 17/9/2019 là: 20.000 đồng.

- 01 ổ khóa bằng kim loại, trị giá tài sản ngày 17/9/2019 là: 15.000 đồng.

Tại Bản cáo trạng số: 02/CT-VKSTPBT ngày 26 tháng 12 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre đã truy tố bị cáo Huỳnh Công Minh Nh về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g, khoản 2, Điều 173 Bộ luật Hình sự; bị cáo Trần Thái Bảo Th về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1, Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị:

Đối với bị cáo Nh: Áp dụng điểm g, khoản 2 Điều 173; điểm h và s, khoản 1; khoản 2, Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Nh từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Đối với bị cáo Th: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i và s, khoản 1, Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Th từ 09 đến 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Hình phạt bổ sung: không áp dụng do các bị cáo không có nghề nghiệp.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Ghi nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Bến Tre đã giao trả cho bị hại Trần Thị D: 01 bình gas hiệu SaiGon Petro màu xám, cân nặng 19,5kg, 01 máy tính bảng hiệu Samsung Galaxy Tab A và Tiền Việt Nam: 3.027.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: áp dụng các Điều 357, 468, 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự năm 2015:

Buộc các bị cáo bồi thường cho bị hại số tiền 6.062.000 đồng (Trong đó bị cáo Nh có trách nhiệm bồi thường cho bị hại D số tiền là 4.412.00 đồng; bị cáo Th có trách nhiệm bồi thường cho bị hại D số tiền là 1.650.000 đồng) .

Đối với Trần Vũ H khi cho Trần Thái Bảo Th mượn xe mô tô biển số 70DB-012.61 không biết bị cáo dùng xe mô tô chở Huỳnh Công Minh Nh đi trộm cắp tài sản nên không truy cứu trách nhiệm.

Bị cáo Nh và bị cáo Th khai nhận vào khoảng 14 giờ ngày 17/9/2019, tại nhà số 325B, khu phố 1, phường 8, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre, các bị cáo đã có hành vi câu kết với nhau lén lút chiếm đoạt của bị hại Trần Thị D 01 bình gas hiệu SaiGon Petro

màu xám, cân nặng 19,5kg trị giá 260.000 đồng; 01 máy tính bảng hiệu Samsung Galaxy Tab A trị giá 3.745.000 đồng; 01 ba lô nữ màu nâu hiệu Lata trị giá 54.000 đồng; 01 con heo đất màu vàng trị giá 20.000 đồng; Tiền Việt Nam: 9.000.000 đồng và 01 ổ khóa bằng kim loại trị giá 15.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt của bị hại D là 13.094.000 đồng. Bị cáo đồng ý với kết quả định giá tài sản đối với tài sản bị cáo chiếm đoạt do Hội đồng định giá thành phố Bến Tre xác định. Bị cáo không khiếu nại gì đối với các hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng và xin được giảm nhẹ hình phạt.

Bị hại Trần Thị D trình bày: Vào ngày 17/9/2019, tại nhà của chị, chị bị mất trộm số tài sản gồm 01 bình gas hiệu Sài Gòn Petro, 01 máy tính bảng hiệu Samsung Galaxy Tab A, 01 ổ khóa, 01 ba lô nữ màu nâu hiệu Lata, 01 con heo đất màu vàng, số tiền Việt Nam: 9.000.000 đồng. Cơ quan Công an thành phố Bến Tre đã thu hồi tài sản gia trả cho chị còn thiếu số tài sản có giá trị là 6.062.000 đồng. Chị yêu cầu các bị cáo phải bồi thường cho chị số tiền còn lại nêu trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra công an thành phố Bến Tre, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo Nh và bị cáo Th tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại; phù hợp với bản ảnh thực nghiệm điều tra, tang vật thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập trong quá trình điều tra, có đủ cơ sở xác định: Xuất phát từ mục đích tư lợi bất chính, vào khoảng 14 giờ ngày 17/9/2019, tại nhà số 325B, khu phố A, phường D, thành phố BT, tỉnh Bến Tre, bị cáo Huỳnh Công Minh Nh và bị cáo Trần Thái Bảo Th đã có hành vi câu kết với nhau lén lút chiếm đoạt của bị hại Trần Thị D 01 bình gas hiệu SaiGon Petro màu xám, cân nặng 19,5kg trị giá 260.000 đồng; 01 máy tính bảng hiệu Samsung Galaxy Tab A trị giá 3.745.000 đồng; 01 ba lô nữ màu nâu hiệu Lata trị giá 54.000 đồng; 01 con heo đất màu vàng trị giá 20.000 đồng; Tiền Việt Nam: 9.000.000 đồng và 01 ổ khóa bằng kim loại trị giá 15.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt của bị hại D là 13.094.000 đồng.

[3] Các bị cáo Th, Nh đều có đủ năng lực nhận thức rõ hành vi của mình là bị luật cấm nhưng vẫn cố ý cùng bàn bạc thực hiện. Tài sản các bị cáo chiếm đoạt trên 2.000.000 đồng. Bị cáo Nh trước khi thực hiện hành vi phạm tội đã hai lần bị kết án chưa được xóa án tích, thuộc trường hợp tái phạm, lần phạm tội này với lỗi cố ý. Do đó, hành vi của bị cáo Nh phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm g, khoản 2 Điều 173 Bộ

luật hình sự thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm; bị cáo Th phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1, Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng luật định.

[4] Các bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, lợi dụng sự thiếu cảnh giác của các chủ sở hữu tài sản để thực hiện hành vi phạm tội, trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn bị cáo thực hiện tội phạm, gây tâm lý lo sợ cho quần chúng nhân dân trong lao động, sinh hoạt hằng ngày.

[5] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Nh và Th đồng phạm tội “ Trộm cắp tài sản” thuộc trường hợp giản đơn. Trong đó Th và Nh đều thực hiện với vai trò là người thực hành đồng thời Th là người rủ rê Nh tham gia thực hiện, vai trò và mức độ của bị cáo Th là tích cực hơn so với bị cáo Nh. Xét nhân thân thì bị cáo Nh hai lần bị kết án chưa được xóa án tích, bị cáo Th nhiều lần bị xử phạt vi phạm hành chính chưa được xóa. Xét tình tiết tăng nặng cả hai bị cáo Nh và Th không có tính tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Xét tình tiết giảm nhẹ thì bị cáo Nh và Th đều có chung tình tiết thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải được quy định tại điểm s, khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra bị cáo Nh còn được hưởng tình tiết khác là phạm tội gây thiệt hại không lớn và gia đình có công với cách mạng được quy định tại điểm h khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Th còn được hưởng tình tiết khác là phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn được quy định tại điểm h, i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Căn cứ vào nhân thân, tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi bị cáo gây ra, xét thấy việc cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian là điều cần thiết nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội và có tác dụng phòng ngừa chung.

[6] Lời phát biểu luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tội danh đối với các bị cáo là “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và hình phạt đề nghị áp dụng đối với các bị cáo phù hợp với quy định pháp luật được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về xử lý vật chứng:

- Ghi nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Bến Tre đã giao trả cho bị hại Trần Thị D: 01 bình gas hiệu SaiGon Petro màu xám, cân nặng 19,5kg, 01 máy tính bảng hiệu Samsung Galaxy Tab A và Tiền Việt Nam: 3.027.000 đồng.

- Đối với 01 nón kết bằng vải màu xanh, 01 nón bảo hiểm màu đỏ là tài sản của bị cáo Th nhưng bị cáo không có yêu cầu nhận lại, hiện số tài sản này không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[8] Về trách nhiệm dân sự:

- Bị hại D đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt gồm 01 bình gas hiệu SaiGon Petro màu xám, cân nặng 19,5kg, 01 máy tính bảng hiệu Samsung Galaxy Tab A và Tiền Việt Nam: 3.027.000 đồng.

Đối với số tài sản còn lại chưa được bồi thường bao gồm: số tiền là 5.973.000 đồng, giá trị 01 ba lô nữ màu nâu hiệu Lata là 54.000 đồng, giá trị 01 con heo đất màu vàng là 20.000 đồng, giá trị 01 ổ khóa bằng kim loại là 15.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là 6.062.000 đồng. Bị hại D yêu cầu các bị cáo Nh và Th bồi thường là phù hợp. Buộc bị cáo Nh và Th liên đới bồi thường cho bị hại D, mỗi bị cáo là $\frac{1}{2}$ số tiền 6.062.000 đồng.

[9] Về hình phạt bổ sung: Do các bị cáo không có nghề nghiệp nên không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

[10] Về án phí:

- Án phí hình sự sơ thẩm, các bị cáo phải nộp theo quy định của pháp luật về án phí, lệ phí tòa án.

- Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, các bị cáo Nh, Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật về án phí, lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Huỳnh Công Minh Nh, Trần Thái Bảo Th phạm tội “Trộm cắp tài sản”

1. Áp dụng điểm g, khoản 2 Điều 173; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Huỳnh Công Minh Nh 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 18/9/2019.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Trần Thái Bảo Th 01 (một) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 18/9/2019.

3. Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

- Ghi nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Bến Tre đã giao trả cho bị hại Trần Thị D: 01 bình gas hiệu SaiGon Petro màu xám, cân nặng 19,5kg, 01 máy tính bảng hiệu Samsung Galaxy Tab A và Tiền Việt Nam: 3.027.000 (ba triệu không trăm hai mươi bảy nghìn) đồng.

- Tịch thu tiêu hủy 01 nón kết bằng vải màu xanh, 01 nón bảo hiểm màu đỏ.

(Theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 20/02/2020 hiện Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre đang quản lý)

4. Về trách nhiệm dân sự: áp dụng các Điều 357, 468, 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự năm 2015

- Ghi nhận bị hại Trần Thị D đã nhận lại được số tài sản gồm: 01 bình gas hiệu SaiGon Petro màu xám, cân nặng 19,5kg, 01 máy tính bảng hiệu Samsung Galaxy Tab A và Tiền Việt Nam: 3.027.000 (ba triệu không trăm hai mươi bảy nghìn) đồng.

- Buộc các bị cáo Huỳnh Công Minh Nh bà Trần Thái Bảo Th liên đới bồi thường cho bị hại Trần Thị D giá trị số tài sản còn lại là 6.062.000 (sáu triệu không trăm sáu mươi hai nghìn) đồng. Trong đó mỗi bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường $\frac{1}{2}$ số tiền 6.062.000 (sáu triệu không trăm sáu mươi hai nghìn) đồng.

5. Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

- Án phí hình sự sơ thẩm các bị cáo Huỳnh Công Minh Nh bà Trần Thái Bảo Th mỗi bị cáo phải nộp là 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

- Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: bị cáo Huỳnh Công Minh Nh bà Trần Thái Bảo Th liên đới chịu là 303.000 (ba trăm lẻ ba nghìn) đồng. Trong đó mỗi bị cáo phải chịu $\frac{1}{2}$ số tiền 303.000 (ba trăm lẻ ba nghìn) đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND thành phố Bến Tre (1b);
- Cơ quan điều tra CATP Bến Tre (1b);
- Cơ quan THAHS CATP Bến Tre (1b);
- Chi cục THADS thành phố Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- UBND Phường B, TP Bến Tre (1b);
- Bị cáo, Bị hại (3b);
- Bộ phận thi hành án Hình sự (2b);
- Lưu (văn phòng, hồ sơ vụ án) (2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Ngô Văn Trình